

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS-ST
Ngày: 28/9/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số 250/17, ấp AH, xã LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp MC, xã CA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/6/2022 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Nguyên vào ngày 22/6/2015 bà H có cho bà Nguyễn Thị Mai T vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng. Khi vay tiền bà T có viết biên nhận nợ, bà T có hứa bằng lời nói là trong vòng 02 ngày sẽ trả lại cho bà H đủ số tiền trên, nên không có thỏa thuận lãi suất. Hết thời hạn 02

ngày thì bà T không trả lại cho bà H số tiền trên, nên giữa bà T và bà H có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 2%/tháng, sau đó bà T cũng không có trả được khoản tiền vốn nào hết, cũng như không trả được khoản tiền lãi nào cho bà H, mặc dù bà H nhiều lần đến gặp bà T đòi lại số tiền trên nhưng bà T cứ khất hẹn hết lần này đến lần khác.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Mai T trả cho bà H số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), yêu cầu bà T trả lãi từ ngày 25/6/2015 đến ngày 25/5/2022 là 83 tháng, với mức lãi suất là 0.83%/tháng, với số tiền lãi như sau:

$50.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 83 \text{ tháng} = 34.445.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng gốc và lãi là: 84.445.000 đồng (Tám mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T biết việc thụ lý vụ án cũng như yêu cầu của nguyên đơn. Nhưng bị đơn không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại tất cả các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại các phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- + Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 33.798.500 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 83.798.500 đồng (Tám mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng).

- + Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đối với phần yêu cầu tiền lãi không được chấp nhận. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T phải nộp 4.190.000 đồng (Bốn triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản là tranh chấp hợp đồng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét, nội dung biên nhận ngày 22/6/2015 thể hiện bà Nguyễn Thị Mai T có vay bà Nguyễn Thị H số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và đã được bà Nguyễn Thị Mai T ký tên xác nhận. Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bà Nguyễn Thị Mai T đến Tòa án để tham dự phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham dự phiên tòa nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, bà T cũng không có văn bản ý kiến phản bác lại yêu cầu khởi kiện của bà H, thể hiện bà T đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Điều này cũng chứng tỏ việc bà T có vay của bà H số tiền là 50.000.000 đồng là có thật. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T trả lại số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 471; 474 và Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005, nên chấp nhận.

[2.2] Xét, yêu cầu trả lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn bà T có nghĩa vụ trả tiền lãi với mức lãi suất là 0.83%/tháng đối với số tiền gốc là 50.000.000 đồng tính từ ngày 25/6/2015 đến ngày 25/5/2022 là 83 tháng với số tiền là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 83 \text{ tháng} = 34.445.000 \text{ đồng}$.

Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà T được xác lập trước ngày 01/01/2017 và đang thực hiện. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì phải áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết và cần áp dụng Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm để giải quyết. Do đó, tiền lãi bà T có nghĩa vụ trả cho bà H được tính như sau:

- Từ ngày 25/6/2015 đến ngày 31/12/2016 là 18 tháng 05 ngày:

$50.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 18 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 6.812.500 \text{ đồng}$

- Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 25/5/2022 là 64 tháng 23 ngày:

$50.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 64 \text{ tháng } 23 \text{ ngày} = 26.986.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng lãi là: 33.798.500 đồng

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà H đối với yêu cầu bà T trả tiền lãi, bà T có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà H với số tiền lãi là 33.798.500 đồng (Ba mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng).

[3] Xét, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên, nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đối với phần yêu cầu tiền lãi không được chấp nhận. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T phải nộp 4.190.000 đồng (Bốn triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476, 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 2 và điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 33.798.500 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 83.798.500 đồng (Tám mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T phải nộp 4.190.000 đồng (Bốn triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), phần án phí này được khấu trừ từ 2.287.500 đồng (Hai triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo biên lai thu số 0007176, ngày 07/6/2022. Hoàn trả lại cho nguyên đơn 1.987.500 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hùng

